TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày: 21-02-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Ngạn

Ông Hoàng Hồng Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/HSST ngày 08-01-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 14-01-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 25-01-2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993 tại TN; nơi cư trú: xóm N, xã ĐC, thị xã PY, tỉnh TN; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịchViệt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Nghiêm Thị C1; có vợ là Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Anh T, sinh năm 1991 tại BN; nơi cư trú: thôn G, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịchViệt Nam; con ông Hoàng Gia T1 và bà Nguyễn Thị B1; có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1993; có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Bị hại: Công ty TNHH Công nghiệp B Việt Nam

Địa chỉ: KNC PĐ, xã CP, huyện CG, tỉnh HD

Người Đại diện theo pháp luật: Ông IT – Tổng giám đốc

Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Phú V, sinh năm 1977

Chỗ ở: 17A-No1A khu đô thị SĐ, quận LB, TP Hà Nội.

Ông Vương vắng mặt tại phiên tòa;có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1982 – Trưởng phòng hành chính tổng hợp công ty TNHH S Việt Nam.

- Anh Lê Văn U, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn DN, xã PL, huyện QV, tỉnh BN.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn BT, xã VH, huyện BG, tỉnh HD.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm 9 phường ĐP, thành phố BN, tỉnh BN.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Anh T là nhân viên lái xe của Công ty TL ở TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, có nhiệm vụ lái xe chở hàng cho Công ty TNHH S ở KCN Quế Võ, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 22 giờ ngày 11-7-2018, T điều khiển xe ôtô mang BKS 99LD-0049 của Công ty S chở hàng đến Công ty TNHH công nghiệp B Việt Nam tại KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đến 00 giờ ngày 12-7-2018, khi xe vào đến cửa nhà kho F1 của Công ty B thì T gặp Nguyễn Văn Q – là nhân viên của Công ty S làm nhiệm vụ chuyển hàng cho Công ty B. Tại đây, T và Q san hàng từ thùng xe ôtô vào kho của Công ty B. Khi san hàng, Q sử dụng pallet của Công ty B để chuyển hàng và kéo một số chiếc pallet trong kho của Công ty B ra xe ôtô của T rồi bảo T kéo lên giấu ở thùng xe nhằm mục đích bán kiếm lời chia nhau. T đồng ý và kéo pallet lên thùng xe. Sau khi giao hàng xong, còn 09 chiếc pallet nhựa màu xanh, kích thước (1,1x1,1x 0,15)m trong thùng xe, T dùng thùng hàng trống che số pallet lại rồi điều khiển xe ôtô về Công ty S còn Q ở lại tiếp tục giao hàng. Khi về đến khu vực Đại Phúc, TP Bắc Ninh, T bán số pallet cho cửa hàng mua bán pallet cũ do anh Nguyễn Văn H làm chủ với giá 3.150.000đ. Số tiền này T chia cho Q 1.700.000đ, T được 1.450.000đ.

Ngày 13-9-2018, Công ty B có đơn trình báo vụ việc.

Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG – TTHS ngày 26-10-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 09 chiếc pallet nhựa Long Thành màu xanh, kích thước (1,1x1,1x0,15)m trị giá 6.588.000đ.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSCG ngày 07-01-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q và Hoàng Anh T về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q; Hoàng Anh T phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Anh T từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q, Hoàng Anh T cho Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về TNDS và vật chứng: không phải giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo là đúng, không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận định giá của Hội đồng định giá;

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai bị hại, lời khai của người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 25 ngày 26-10-2018 và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 00 giờ ngày 12-7-2018, lợi dụng lúc giao hàng ban đêm, Công ty B không có người quản lý tài sản, Nguyễn Văn Q và Hoàng Anh T đã lén lút giấu 09 chiếc pallet nhựa Long Thành màu xanh, trị giá 6.588.000đồng vào thùng xe ôtô để đem bán kiếm lời chia nhau.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của Công ty B được pháp luật bảo vệ; hành vi này đã làm ảnh hưởng tới tình hình trật tự trị an trên địa bàn khu công nghiệp của huyện Cẩm Giàng và gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của nhân dân. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty B là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét về hành vi và giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm, trong vụ án này 2 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều thống nhất việc chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Q là người đề xuất và là người trực tiếp kéo các chiếc pallet trong kho của Công ty B ra xe ôtô và bảo T giấu lên thùng xe mang bán, Q được hưởng số tiền nhiều hơn nên giữ vai trò chính; T là người tiếp nhận ý chí và đem tài sản chiếm đoạt đi bán nên giữ vai trò sau.

[4]Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt; chưa tiền án, tiền sự; không phaỉ chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục hoàn trả số tiền cho anh Hữu nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T có bố là ông Hoàng Gia Thụ được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì và mẹ Nguyễn Thị Bắc được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, do vậy bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX xem xét áp dụng để quyết định hình phạt đối với hai bị cáo.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù. Căn cứ vào quy định tại khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Văn H giao nộp lại 09 chiếc pallet và đã nhận lại đủ 3.150.000đ; không còn yêu cầu gì khác nên HĐXX không phải giải quyết.

- Công ty B đã nhận lại toàn bộ tài sản bị thiệt hại và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên HĐXX không phải giải quyết.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với chiếc xe ôtô mang BKS 99LD-0049 các bị cáo sử dụng để giấu và chở pallet trộm cắp đem bán là tài sản thuộc quyền sử hữu hợp pháp của Công ty S. Phía công ty không biết T và Q dùng ô tô để phạm tội, không có căn cứ xử lý.

- Anh Nguyễn Văn H là người mua 09 chiếc pallet của T nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 08 (*tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND xã ĐC, thị xã PY, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo Q cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Hoàng Anh T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Hoàng Anh T 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Hoàng Anh T cho UBND xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q, Hoàng Anh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng ;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS H. Cẩm Giàng.
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu Vp

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy